**BẢNG 2: MA TRẬN + ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ CỤ THỂ HK II MÔN TOÁN-LỚP 6**

**(CHỈ CÓ BẢNG NÀY MỚI PHẢI ĐƯA VÀO TRONG GIÁO ÁN)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT**  **(1)** | **Chương/**  **Chủ đề**  **(2)** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức**  **(3)** | **Mức độ đánh giá**  **(4)** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng % điểm**  **(13)** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Chủ đề 1:**  **Phân số** | **Nội dung 1:**  ***Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số*** | ***Nhận biết***  – Nhận biết được khái niệm hai phân số bằng nhau và nhận biết được quy tắc bằng nhau của hai phân số. (Câu 1) | 1  (0.25) |  |  |  |  |  |  |  | 2.5% |
| **Thông hiểu**  – So sánh được hai phân số cho trước.  (Câu 2, Câu 15a) | 1  (0.25) |  |  | 1  (0.5) |  |  |  |  | **7.5%** |
| ***Nội dung 2***  ***Các phép tính với phân số*** | **Thông hiểu**  - Tìm phân số nghịch đảo (Câu 15b) |  |  |  | 1  (0.5) |  |  |  |  | **5%** |
| ***Vận dụng***  – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).  (Câu 13a,13b,13e)  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với các phép tính về phân số (Câu14) |  |  |  |  |  | 2  (1.0)  1  ( 0.5) |  | 1  (0,5) | **20%** |
| 2 | **Chủ đề 2**  **Số thập phân** | ***Số thập phân và các phép tính với số thập phân.***  ***Tỉ số và tỉ số phần trăm*** | ***Nhận biết***  – Nhận biết được số thập phân âm ( Câu 7) | 1  (0.25) |  |  |  |  |  |  |  | **2.5%** |
| ***Thông hiểu***  – So sánh được hai số thập phân cho trước. (Câu 8)  -Biết làm tròn số thập phân  ( Câu 15c) | 1  (0.25) |  |  | 1  (0.5) |  |  |  |  | **7.5%** |
| ***Vận dụng***  – Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với số thập phân. (Câu 13c)  – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số thập phân trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí, tìm x ).  (Câu 13d; Câu3) |  |  |  | 1  (0.25) |  | 2  ( 1.0) |  |  | **12.5%** |
|  | **Chủ đề 3**  **Các hình hình học cơ bản** | **Nội dung 1:**  ***Điểm, đường thẳng, tia*** | ***Nhận biết***  – Nhận biết được những quan hệ cơ bản giữa điểm, đường thẳng: điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng; tiên đề về đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt. (Câu 4)  – Nhận biết được khái niệm hai đường thẳng cắt nhau, song song.  – Nhận biết được khái niệm ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng. (Câu 12) | 2  (0.5) |  |  |  |  |  |  |  | **5%** |
| **Nội dung 2:**  ***Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng*** | ***Nhận biết***  –Nhận biết được khái niệm đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng.  ( Câu 5, Câu 17b)  ***Thông hiểu***  - Tính được độ dài đoạn thẳng (Câu 17a) | 1  (0.25) | 1  (0,5) |  | 1  (0,5) |  |  |  |  | **12.5%** |
| **Nội dung 3:**  ***Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc*** | ***Nhận biết***  – Nhận biết được các góc đặc biệt (góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt) (Câu 11) | 1  (0.25) |  |  |  |  |  |  |  | **2.5%** |
|  | **Chủ đề 4**  **Dữ liệu và xác suất thực nghiệm** | ***Nội dung1:***  ***Thu thập, phân loại, biểu diễn dữ liệu theo các tiêu chí cho trước*** | ***Nhận biết***  – Nhận biết được tính hợp lí của dữ liệu theo các tiêu chí đơn giản. (Câu 6,9) | 2  (0.5) |  |  |  |  |  |  |  | **5%** |
| ***Thông hiểu***  – Mô tả được các dữ liệu ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*). (Câu 10) | **1**  **(0.25)** |  |  |  |  |  |  |  | **2.5%** |
| ***Vận dụng***  – Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào bảng, biểu đồ thích hợp ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*)(Câu16a) |  |  |  | 1  (0.5) |  |  |  |  | **5%** |
|  | ***Nội dung2:***  ***Mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản .*** | ***Vận dụng***  – Sử dụng được phân số để mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần thông qua kiểm đếm số lần lặp lại của khả năng đó trong một số mô hình xác suất đơn giản. (Câu 16b1;16b2) |  |  |  |  |  | 1  (0.5) |  | 1  (0.5) | **10%** |
| **Tổng** | | |  | 11 | 1 | 0 | 6 | 0 | 6 | 0 | 2 | 26 |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **32.5%** | | **27.5%** | | **30%** | | **10%** | | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60%** | | | | **40%** | | | | **100%** |

**ĐỀ BÀI**

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM:** (3 điểm) Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng:

**Câu 1.** Phân số bằng phân số  là

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

**Câu 2.** So sánh  và 

**A. .** **B.** **.** **C. .** **D.** **.**

**Câu 3:** Giá trị của  thoả mãn  là :

A. . B. . C. . D. .

**Câu 4:** Số đường thẳng đi qua hai điểm  cho trước là:

A. vô số. B. . C. . D. .

**Câu 5:** Khẳng định nào sau đây là đúng?

A. Nếu điểm I nằm giữa hai điểm A và B thì điểm  là trung điểm của đoạn thẳng .

B. Nếu  thì điểm  là trung điểm của đoạn thẳng .

C. Nếu  thì điểm  là trung điểm của đoạn .

D. Nếu  thì điểm  là trung điểm của đoạn .

**Câu 6:** Trong các dữ liệu sau, dữ liệu nào **không** phải là số liệu?

A. Diện tích của các tỉnh, thành phố trong cả nước (đơn vị tính là ).

B. Số học sinh nam của các tổ trong lớp 6A.

C. Tên các loài động vật sống tại vườn quốc gia Cúc Phương.

D. Năm sinh của các thành viên trong gia đình em.

**Câu 7:** Trong các số sau,số nào là số thập phân âm ?

A. . B. . C. . D. .

**Câu 8:** Trong các số sau, số nhỏ hơn  là

A. . B. . C. . D. .

**Câu 9:** An liệt kê năm sinh của một số thành viên trong gia đình để làm bài tập môn Toán 6, được dãy dữ liệu như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |

Giá trị không hợp lý trong dãy dữ liệu về năm sinh của các thành viên trong gia đình An là:

A.. B. . C. . D. .

**Câu 10:** Quan sát biểu đồ sau và cho biết: Có bao nhiêu vé mệnh giá  nghìn đồng được bán ra?

A. . B. . C. . D. .

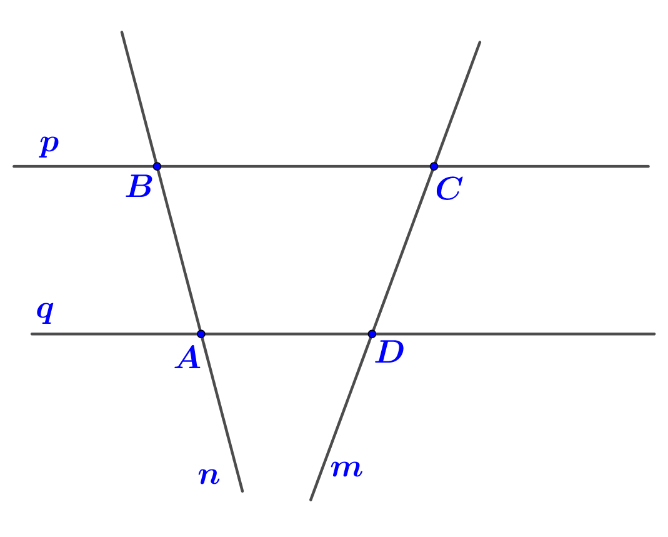
*Câu 11*. ***Khẳng định đúng là***

**A.** Góc có số đo  là góc vuông.

**B.** Góc có số đo  là góc tù.

**C.** Góc có số đo  là góc nhọn.

**D.** Góc có số đo  là góc tù



Hình 8

Câu 12: Cho hình vẽ (Hình 8). Khẳng định nào sau đây đúng

A.  và  song song với nhau.

B.  và  không có điểm chung.

C. Ba điểm không thẳng hàng.

D.  và cắt nhau tại D.

**II. PHẦN TỰ LUẬN:** (7 điểm)

**Câu 13 (2,5 điểm).** Thực hiện các phép tính (tính hợp lí nếu có thể):

a) . b) . c) .

d) . e) .

**Câu 14 (0,5 điểm).**

Bác nông dân có một mảnh vườn hình chữ nhật. Bác dùng  diện tích mảnh vườn để trồng cây ăn quả. Biết diện tích trồng cây ăn quả là . Hỏi diện tích mảnh vườn là bao nhiêu ?

**Câu 15 (1,5 điểm)**

a) Sắp xếp các phân số theo thứ tự từ bé đến lớn .

b) Tìm phân số nghịch đảo của các phân số sau: .

c) Làm tròn các số sau đến hàng phần trăm: .

**Câu 16 (1,5 điểm)**

a) Cho dãy số liệu về cân nặng (theo đơn vị kilôgam) của  học sinh lớp 6 như sau:

Hãy lập bảng thống kê biểu diễn cân nặng của  học sinh lớp 6 trên. Dựa vào bảng hãy cho biết có bao nhiêu bạn nặng  kilôgam?

b) An gieo một con xúc xắc 100 lần và ghi lại số chấm xuất hiện ở mỗi lần gieo được kết qủa như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số chấm xuất hiện** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| **Số lần** | 20 | 15 | 22 | 18 | 15 | 10 |

Tính xác suất thực nghiệm của các sự kiện sau:

b1) Số chấm xuất hiện bằng 2;

b2) Số chấm xuất hiện là lớn hơn 3.

**Câu 17 (1,0 điểm)** : Cho điểm A nằm giữa hai điểm O và B sao cho 

a) Tính độ dài đoạn thẳng?

b) Điểm  có là trung điểm của đoạn thẳng  không? Vì sao?

**----------- Hết -----------**

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GDĐT ĐÔNG SƠN**  **ĐỀ CHÍNH THỨC** | **HƯỚNG DẪN CHẤM**  **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II**  **NĂM HỌC 2021 - 2022**  **Môn: Toán - Lớp 6**  Hướng dẫn chấm gồm: 02 trang |

**Phần I: Trắc nghiệm** (3 điểm).

Mỗi đáp án chọn đúng cho 0,25 điểm

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| **Đáp án** | C | A | B | B | D | C | B | A | A | A | D | C |

**Phần II: Tự luận** (7 điểm)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Ý** | **Đáp án** | **Điểm** |
| **13** | **a** | . | 0,5 |
| **b** | . | 0,5 |
| **c** | . | 0,5 |
| **d** |  | 0,5 |
| **e** | . | 0,5 |
| **14** |  | Diện tích mảnh vườn là: . | 0,25 |
| **15** | **a** | a)  Vì  và :  nên:  Sắp xếp các phân số theo thứ tự từ bé đến lớn là: | 0,5 |
| **b** | Các phân số nghịch đảo là: . | 0,5 |
| **c** | . | 0,5 |
| **16** | **a** | Bảng thống kê:   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Cân nặng** |  |  |  |  |  |  | | **Số học sinh** |  |  |  |  |  |  |   Có 2 bạn nặng  kilôgam. | 0,5 |
| **b** | 1) Xác suất thực nghiệm của sự kiện số chấm xuất hiện bằng 2 là: . | 0,25 |
| **b** | 2) Xác suất thực nghiệm của sự kiện số chấm xuất hiện lớn hơn 3 là: . | 0,5 |
| **17** |  | Ta có hình vẽ sau: |  |
| **a** | a) Vì điểm  nằm giữa hai điểm  và.  Nên  hay | 0,5 |
| **b** | b) Vì mà điểm nằm giữa hai điểm và nên  là trung điểm của. | 0,5 |